

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2023/HSST
Ngày 14- 11- 2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Lương Thành
2. Bà Lương Thị Kim Anh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quốc Tuấn Huy- Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 97/2023/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

Tạ Thị N, sinh năm 1989, tại tỉnh Q; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khối phố B, phường M, thị xã Đ, tỉnh Q, chỗ ở hiện nay: khối phố A, phường X, thị xã Đ, tỉnh Q; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Đình Q1 và bà Lê Thị N1; có chồng Nguyễn Xuân M1 (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Đinh Nguyên Bảo U, sinh năm 1987; trú tại: khối phố 1, phường V, thị xã Đ, tỉnh Q, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ trong việc cùng nhau mua, bán bất động sản (Mua bán đất đai), đáo hạn ngân hàng, bị cáo Tạ Thị N đã nhiều lần vay tiền của bà Đinh

Nguyễn Bảo U không cần thế chấp tài sản. Cuối tháng 3/2021, N tiếp tục vay của U số tiền 400.000.000 đồng không có thế chấp tài sản. Sau khi cho N vay 400.000.000 đồng, U thấy số tiền cho vay lớn nên đề nghị N phải thế chấp tài sản để tạo lòng tin. Không có tài sản gì để thế chấp nên trong một lần xem mạng xã hội Facebook, thấy có người đăng thông tin nhận làm giả giấy tờ (Bị cáo không nhớ tên tài khoản), bị cáo N nhắn tin qua tài khoản Facebook, đặt làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CV639728, thửa đất 696, tờ bản đồ số 72, địa chỉ khối An Bang, phường Thanh Hà, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam do Tạ Thị N nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Ngọc Nguyên đã được chỉnh lý biến động sang tên cho N ngày 18/01/2021, với giá 10.000.000 đồng. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận giả từ dịch vụ chuyển phát nhanh, N đem đến nhà của U giao cho U giữ làm tin. Sau đó, ngày 31/5/2021, U chuyển nhượng cho N 02 lô đất tại huyện Quế Sơn với số tiền 1.800.000.000 đồng, sau đó N vay ngân hàng trả cho U 1.200.000.000 đồng, còn nợ lại U 600.000.000 đồng. Cùng ngày 31/5/2021, U với N lập hợp đồng vay tiền có công chứng, theo đó U cho bị cáo N vay số tiền 3.438.500.000 đồng, không có thế chấp tài sản. Khoảng 01 tháng sau khi ký hợp đồng vay, U đề nghị N đi công chứng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thì N nói U Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 639728 trên là giả không đi công chứng để bán đất được. Sau đó N vẫn trả lãi hàng tháng đầy đủ cho U. Đến đầu năm 2023, N chậm trả tiền lãi nên U đề nghị N đến Văn phòng công chứng để ký lại hợp đồng vay tiền nhưng không nói đến việc phải thế chấp tài sản, thì N đồng ý. Ngày 26/4/2023, U mang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 639728 mà N đã đưa cho U trước đó đến Văn phòng công chứng C đề nghị lập hợp đồng vay tiền giữa bên vay là Tạ Thị N và bên cho vay là Đinh NgU Bảo U có thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CV 639728. Sau khi tiếp nhận, Văn phòng công chứng C nghi ngờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả nên thông báo cho Cơ quan Công an đến mời những người liên quan về làm việc. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo N khai nhận toàn bộ hành vi đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đưa cho U nhằm đảm bảo cho các khoản vay trước đó. Bà U và bị cáo N đều khai nhận toàn bộ số tiền U cho bị cáo vay đều thực hiện trước khi bị cáo đưa giấy chứng nhận giả cho bà U; Việc bà U mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CV 639728 đến Văn phòng công chứng C đề nghị lập hợp đồng vay tiền có thế chấp tài sản vào ngày 26/4/2023, là hoàn toàn do bà U chủ động thực hiện. Theo Kết luận giám định số 79/KL-KTHS ngày 23/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam thì Giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 639728 bị cáo N đưa cho U là giả.

Tại bản Cáo trạng số 97/CT-VKS ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn đã truy tố bị cáo Tạ Thị N về tội “Sử dụng con

dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ ngU quan điểm truy tố đối với bị cáo Tạ Thị N theo như Cáo trạng nêu trên. Đồng thời nhận định, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú xác nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo N từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Về xử lý vật chứng, tài liệu, đồ vật quá trình điều tra đã tạm giữ: Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả số CV639728 và 03 hợp đồng vay tiền có thể chấp tài sản lập ngày 26/4/2023 giữa bà U và bị cáo N, đây là tài liệu, chứng cứ của vụ án nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án; Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A23, màu đen, bên trong có sim số 0909.213.993 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung A51, màu xanh, bên trong có sim số 0905.079.208, quá trình điều tra xác định không liên quan đến vụ án nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Điện Bàn đã trao trả lại cho bị cáo Tạ Thị N là đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo Tạ Thị N khai nhận theo như nội dung bản Cáo trạng số 97/CT-VKS ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn đã truy tố đối với bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đồng thời, căn cứ kết luận giám định số 79/KL-KTHS ngày 23/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV639728 của thửa đất 696, tờ bản đồ số 72, địa chỉ khối An Bang, phường Thanh Hà, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam do bị cáo đứng tên người sử dụng đất là giả. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Do bị cáo và bà Đinh Nguyên Bảo U có mối quan hệ làm ăn chung trong việc mua, bán bất động sản, đáo hạn ngân hàng nên bà U đã nhiều lần cho bị cáo vay tiền không cần thế chấp tài sản. Cuối tháng 3/2021, bị cáo tiếp tục vay của bà U số tiền 400.000.000 đồng. Sau khi cho bị cáo vay tiền, bà U thấy số tiền cho bị cáo vay lớn nên yêu cầu bị cáo phải thế chấp tài sản để tạo lòng tin. Do không có tài sản gì để thế chấp cho bà U nên tháng 4/2021, thông qua tài khoản mạng xã hội Facebook, bị cáo đã đặt làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CV639728 của thửa đất 696, tờ bản đồ số 72, địa chỉ khối An Bang, phường Thanh Hà, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam do bị cáo đứng tên người sử dụng đất rồi giao cho bà U giữ để đảm bảo cho các khoản vay của bị cáo đối với bà U. Các giao dịch vay tiền giữa bị cáo với bà U đều thực hiện trước khi bị cáo giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bà U. Sau khi giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho bà U, bị cáo tiếp tục trả lãi hàng tháng cho bà U. Đến khi bà U đề nghị chuyển nhượng thửa đất bị cáo làm giả giấy chứng nhận cho bà U, bị cáo đã thừa nhận với bà U Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 639728 là giả không công chứng chuyển nhượng được. Sau đó bị cáo vẫn trả lãi, gốc cho bà U và không có các thủ đoạn khác nhằm chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo Tạ Thị N đã phạm tội: “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, thì thấy: Bị cáo Tạ Thị N nhận thức được việc sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức là vi phạm pháp luật. Song, để thực hiện theo yêu cầu của bà U về việc thế chấp tài sản làm tin cho các khoản vay trước đó của bị cáo đối với bà U, bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội, cần được xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: bị cáo Tạ Thị N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của mình nên trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú xác nhận. Vì vậy, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Xét, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã ly hôn, là lao động chính trong gia đình nuôi 02 con nhỏ có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Điện An, thị xã Điện Bàn. Bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này, từ trước đến nay bị cáo đều chấp hành tốt pháp luật, chưa có hành vi vi phạm bị xử lý và có nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét, việc không buộc bị cáo

chấp hành hình phạt tù cũng đảm bảo được tính giáo dục riêng, phòng ngừa chung. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật và tạo điều kiện để bị cáo tự sửa chữa sai lầm, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Mặc dầu bị cáo N có hoàn cảnh khó khăn, tuy nhiên để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự để xử phạt bổ sung đối với bị cáo N.

[7] *Về xử lý vật chứng, tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm:* Hội đồng xét xử xét;

Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả số CV639728 của thửa đất số 696, tờ bản đồ số 72, địa chỉ khối An Bang, phường Thanh Hà, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam do bà Tạ Thị N đứng tên quyền sử dụng đất, 03 hợp đồng vay tiền có thế chấp tài sản giữa bị cáo N với bà U lập ngày 26/4/2023, đây là tài liệu, chứng cứ của vụ án đã được lưu vào hồ sơ vụ án nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A23, màu đen, bên trong có sim số 0909.213.993 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung A51, màu xanh, bên trong có sim số 0905.079.208, quá trình điều tra không chứng minh được có liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Điện Bàn đã xử lý theo thẩm quyền trả lại cho bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo Tạ Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về việc cho vay của bà Đinh Nguyên Bảo U: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bà U khai cho bị cáo N vay nhiều lần đều với lãi suất 15%/năm; Tổng số tiền bị cáo N vay tính đến ngày 31/5/2021 các bên đã lập hợp đồng có công chứng xác định bị cáo N vay số tiền 3.438.500.000 đồng, mỗi tháng bị cáo N trả 40.000.000 đồng tiền lãi. Bị cáo N khai, theo hợp đồng vay ký kết ngày 31/5/2021, tổng số tiền bị cáo vay của bà U được ghi trong hợp đồng là 3.438.500.000 đồng, số tiền này thực tế gồm 2.200.000.000 đồng tiền gốc (Trong đó có: 400.000.000 đồng bị cáo vay trước đó, 1.800.000.000 đồng tiền mua 02 lô đất tại Quế Sơn) và 1.238.500.000 đồng tiền lãi trong 03 năm của số tiền gốc. Theo lời khai này của bị cáo N thì lãi suất cho vay của bà U là 18,76%/năm ($1.238.500.000 \text{ đồng} : 2.200.000.000 \text{ đồng} : 03 \text{ năm} \times 100\% = 18,76\%/năm$). Mặc khác, bị cáo N khai, sau khi ký hợp đồng vay ngày 31/5/2021, bị cáo đã vay Ngân hàng trả cho bà U 1.200.000.000 đồng tiền mua đất, bị cáo chỉ còn nợ lại bà U số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và mỗi tháng bị cáo trả cho bà U số tiền lãi 40.000.000 đồng trên số tiền nợ gốc 1.000.000.000 đồng. Theo lời khai này của bị cáo N thì lãi suất cho vay của bà U là 48%/năm ($40.000.000 \text{ đồng} : 1.000.000.000 \text{ đồng} \times 100\% \times 12 \text{ tháng} = 48\%/năm$). Như vậy, theo lời khai của bị cáo N thì lãi

suất cho vay của bà U dưới 05 lần lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Vì vậy, giao dịch cho vay giữa bà U với bị cáo N không có dấu hiệu cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Tạ Thị N phạm tội: “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 341, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (*Sửa đổi bổ sung năm 2017*), xử phạt bị cáo Tạ Thị N 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 14/11/2023) và xử phạt bổ sung số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*). Giao bị cáo Tạ Thị N cho Ủy ban nhân dân phường X, thị xã Đ, tỉnh Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trường hợp bị cáo Tạ Thị N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách nếu các bị cáo Tạ Thị N cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về Án phí: Bị cáo Tạ Thị N phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 14/11/2023).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Công an thị xã Điện Bàn;
- Chi cục T.H.A Dân sự thị xã Điện Bàn;
- Bị cáo, Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thành Trung